

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao số lượng người làm việc
trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị Quyết số 164/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 phê duyệt tổng số lượng người trong đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Sơn La năm 2020.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1001/TTr-SNV ngày 18 tháng 12 năm 2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Sơn La năm 2020 là: **27.439** người *(Có biểu chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định Đề án xác định vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, thuộc sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố; tổng hợp xây dựng đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định giao cơ cấu ngạch, mã số, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm của từng đơn vị sự nghiệp được Chủ tịch UBND tỉnh giao số lượng người làm việc theo các quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm:

- Căn cứ số lượng người làm việc và cơ cấu ngạch, mã số, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được giao, chủ động bố trí, sắp xếp để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (D50b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh



**TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số 3164 /QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	28119	27439	-680
A	LĨNH VỰC VĂN HOÁ - THỂ THAO VÀ DU LỊCH	588	575	-13
I	CẤP TỈNH	171	172	1
1	Thư viện tỉnh	27	27	0
2	TT Huân luyện và thi đấu thể dục thể thao	35	35	0
3	Nhà hát Ca múa nhạc	47	47	0
4	Bảo tàng tỉnh Sơn La	23	25	2
5	Trung Tâm Văn hóa - Điện ảnh	39	38	-1
II	CẤP HUYỆN	417	403	-14
1	TT Truyền thông - Văn hóa Bắc Yên	29	27	-2
2	TT Truyền thông - Văn hóa Mai Sơn	41	38	-3
3	TT Truyền thông - Văn hóa Mộc Châu	38	36	-2
4	TT Truyền thông - Văn hóa Mường La	37	37	0
5	TT Truyền thông - Văn hóa Phù Yên	41	40	-1
6	TT Truyền thông - Văn hóa Quỳnh Nhai	38	36	-2
7	TT Truyền thông - Văn hóa Sông Mã	32	32	0
8	TT Truyền thông - Văn hóa Sốp Cộp	27	27	0
9	TT Truyền thông - Văn hóa thành phố	22	22	0
10	TT Truyền thông - Văn hóa Thuận Châu	38	38	0
11	TT Truyền thông - Văn hóa Vân Hồ	38	36	-2
12	TT Truyền thông - Văn hóa Yên Châu	36	34	-2
B	LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	116	112	-4
1	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	88	84	-4
2	TT Thông tin (TT Công báo cũ)	16	16	0
3	TT Công nghệ thông tin và Truyền thông	12	12	0
C	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	309	301	-8
I	CẤP TỈNH	298	290	-8
1	Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La	238	230	-8
2	TT Bảo trợ xã hội	22	22	0
3	TT điều trị &NDPHCNBN tâm thần	27	27	0
4	TT Dịch vụ việc làm	11	11	0
II	CẤP HUYỆN	11	11	0
2	Cơ sở Điều trị nghiện ma túy Sông Mã	11	11	0
D	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN	459	442	-17
I	CẤP TỈNH	49	45	-4
1	TT giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	4	0	-4
2	TT Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường	18	18	0
3	TT Khuyến nông tỉnh	21	21	0
4	Trạm kiểm dịch động vật Vân Hồ	6	6	0
9	Các BQL khu bảo tồn thiên nhiên	103	103	0
9.2	BQL Rừng đặc dụng Xuân Nha	19	19	0
9.4	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La	20	20	0
9.5	BQL Rừng đặc dụng Tà Xùa	18	18	0

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (0, giảm (-)
9.8	Rừng đặc dụng - Phòng hộ Sốp Cộp	23	23	0
9.9	Rừng đặc dụng - Phòng hộ Thuận Châu	23	23	0
II	CẤP HUYỆN	307	294	-13
3	Các TT Dịch vụ nông nghiệp	307	294	-13
3.1	TT Dịch vụ nông nghiệp Bắc Yên	22	22	0
3.2	TT Dịch vụ nông nghiệp Mai Sơn	34	27	-7
3.3	TT kỹ thuật nông nghiệp Mộc Châu	28	28	0
3.4	TT Dịch vụ nông nghiệp Mường La	30	28	-2
3.5	TT Dịch vụ nông nghiệp Phù Yên	33	32	-1
3.6	TT Dịch vụ nông nghiệp Quỳnh Nhai	20	20	0
3.7	TT Dịch vụ nông nghiệp Sông Mã	25	25	0
3.8	TT Dịch vụ nông nghiệp Sốp Cộp	18	18	0
3.9	TT Dịch vụ nông nghiệp thành phố	27	24	-3
3.10	TT Dịch vụ nông nghiệp Thuận Châu	28	28	0
3.11	TT Dịch vụ nông nghiệp Vân Hồ	23	23	0
3.12	TT Dịch vụ nông nghiệp Yên Châu	19	19	0
D	LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	28	25	-3
	TT Thông tin và Ứng dụng KH&CN	28	25	-3
E	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG	153	153	0
I	CẤP TỈNH	125	125	0
1	TT Công nghệ thông tin tài nguyên và MT	10	7	-3
2	TT Quan trắc môi trường	4	4	0
3	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	14	9	-5
4	Văn phòng đăng ký đất đai	97	105	8
4.1	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	24	25	1
4.2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sơn La	9	11	2
4.3	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Châu	9	11	2
4.4	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vân Hồ	7	7	0
4.5	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phù Yên	6	6	0
4.6	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thuận Châu	6	6	0
4.7	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bắc Yên	5	5	0
4.8	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn	6	8	2
4.9	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Yên Châu	5	5	0
4.10	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Mã	5	6	1
4.11	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sốp Cộp	5	5	0
4.12	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quỳnh Nhai	5	5	0
4.13	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mường La	5	5	0
II	CẤP HUYỆN	28	28	0
1	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	7	7	0
2	Trung tâm Phát triển quỹ đất Mộc Châu	5	5	0
3	Trung tâm Phát triển quỹ đất Vân Hồ	5	5	0
4	Trung tâm Phát triển quỹ đất Phù Yên	7	7	0
5	Trung tâm Phát triển quỹ đất Thuận Châu	4	4	0
F	LĨNH VỰC TƯ PHÁP	36	32	-4
1	TT Trợ giúp pháp lý	14	13	-1
2	TT Dịch vụ đấu giá tài sản	9	8	-1
3	Phòng Công chứng số 1	7	6	-1
4	Phòng Công chứng số 2	6	5	-1
H	LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP KHÁC	73	54	-19
1	TT Lưu trữ lịch sử	8	8	0
2	TT Xúc tiến đầu tư	18	18	0
3	TT Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp	10	8	-2
4	TT dạy nghề và hỗ trợ nông dân	3	0	-3
5	TT hoạt động thanh thiếu niên	11	0	-11

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
8	Tổ Dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công	6	6	0
9	Tổng đội Thanh niên xung phong	3	0	-3
10	BQL khu du lịch Quốc gia Mộc Châu	14	14	0
K	LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC	23921	23498	-423
I	CẤP TỈNH	2828	2753	-75
(1)	Khối Trung học phổ thông	1904	1863	-41
1	THPT Bắc Yên	75	73	-2
2	THPT Bình Thuận	37	35	-2
3	THPT Co Ma	39	38	-1
4	THPT Cò Nòi	54	52	-2
5	THPT Chiềng Khương	51	47	-4
6	THPT Chiềng Sinh	62	62	0
7	THPT Chiềng Sơn	63	63	0
8	THPT Chu Văn Thỉnh	69	69	0
9	THPT Chuyên	106	102	-4
10	THPT Gia Phù	76	76	0
11	THPT Mai Sơn	93	92	-1
12	THPT Mộc Hạ	31	31	0
13	THPT Mộc Lý	79	79	0
14	THPT Mường Bú	39	39	0
15	THPT Mường Giôn	33	31	-2
16	THPT Mường La	70	70	0
17	THPT Mường Lầm	54	53	-1
18	THPT Nguyễn Du	40	40	0
19	THPT Phiêng Khoài	35	32	-3
20	THPT Phù Yên	92	89	-3
21	THPT Quỳnh Nhai	74	70	-4
22	THPT Sông Mã	82	78	-4
23	THPT Sốp Cộp	76	72	-4
24	THPT Tân Lang	44	44	0
25	THPT Tân Lập	28	26	-2
26	THPT Tô Hiệu	87	87	0
27	THPT Tông Lệnh	76	75	-1
28	THPT Thảo Nguyên	61	61	0
29	THPT Thuận Châu	69	67	-2
30	THPT Vân Hồ	36	36	0
31	THPT Yên Châu	73	74	1
(2)	Khối Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề	40	38	-2
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	40	38	-2
(3)	Khối Phổ thông dân tộc nội trú	383	371	-12
1	Trường PTDT Nội trú tỉnh	54	53	-1
2	PTDTNT THCS-THPT Quỳnh Nhai	30	28	-2
3	PTDTNT THCS-THPT Mai Sơn	35	33	-2
4	PTDTNT THCS-THPT Yên Châu	35	35	0
5	PTDTNT THCS-THPT Mộc Châu	38	38	0
6	PTDTNT THCS-THPT Sông Mã	29	29	0
7	PTDTNT THCS-THPT Sốp Cộp	30	29	-1
8	PTDTNT THCS-THPT Phù Yên	35	34	-1
9	PTDTNT THCS-THPT Bắc Yên	35	31	-4
10	PTDTNT THCS-THPT Mường La	30	29	-1
11	PTDTNT THCS-THPT Thuận Châu	32	32	0
(4)	Khối chuyên nghiệp	501	481	-20

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
2	Trường Cao đẳng Y tế	65	62	-3
3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ	86	82	-4
4	Trường Cao đẳng Sơn La	312	300	-12
5	Trường Trung cấp Văn hóa, nghệ thuật và Du lịch	38	37	-1
II	CẤP HUYỆN	21093	20745	-348
(1)	HUYỆN MUỜNG LA	1817	1797	-20
a	Khôi Mầm non	591	569	-22
1	Trường MN Ban Mai	17	16	-1
2	Trường MN Chiềng Công	30	30	0
3	Trường MN Chiềng Hoa	36	35	-1
4	Trường MN Hoa Ban	23	22	-1
5	Trường MN Hoa Hồng	22	22	0
6	Trường MN Hua Trai	30	30	0
7	Trường MN Mường Chùm	39	36	-3
8	Trường MN Mường Trai	16	16	0
9	Trường MN Nậm Giôn	24	24	0
10	Trường MN Nậm Păm	26	25	-1
11	Trường MN Pi Toong	37	36	-1
12	Trường MN Tạ Bú	30	30	0
13	Trường MN Ít Ong	87	82	-5
14	Trường MN Chiềng Lao	60	56	-4
15	Trường MN Mường Bú	60	58	-2
16	Trường MN Ngọc Chiên	54	51	-3
b	Khôi Tiểu học	537	536	-1
1	Trường TH Chiềng Công	44	44	0
2	Trường Tiểu học Ít Ong	76	76	0
3	Trường Tiểu học Chiềng Lao	79	78	-1
4	Trường Tiểu học Mường Bú	90	90	0
5	Trường Tiểu học Ngọc Chiên	73	73	0
6	Trường Tiểu học Chiềng Hoa	57	56	-1
7	Trường Tiểu học Mường Chùm	62	62	0
8	Trường Tiểu học Pi Toong	56	57	1
c	Trung học cơ sở	313	316	3
1	Trường THCS Chiềng Hoa	30	30	0
2	Trường THCS Chiềng Lao	41	43	2
3	Trường THCS Mường Chùm	32	32	0
4	Trường THCS Mường Bú	50	51	1
5	Trường THCS Ngọc Chiên	43	43	0
6	Trường THCS Pi Toong	38	38	0
7	Trường THCS Ít Ong	52	52	-1
8	Trường PTDTBT-THCS Chiềng Công	27	27	0
d	Khôi liên cấp TH và THCS	376	376	0
1	Trường TH&THCS Nậm Păm	52	52	0
2	Trường TH&THCS Chiềng San	52	52	0
3	Trường TH&THCS Hua Trai	62	61	-1
4	Trường TH&THCS Tạ Bú	57	57	0
5	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Giôn	57	57	0
6	Trường TH&THCS Chiềng An	37	37	0
7	Trường TH&THCS Chiềng Muôn	29	30	1
8	Trường TH&THCS Mường Trai	30	30	0
(2)	HUYỆN MAI SƠN	2641	2590	-51
a	Khôi Mầm non	811	796	-15
1	Trường MN Cò Nòi	35	37	2

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (0, giảm (-)
2	Trường MN Cò Nòi 1	53	52	-1
3	Trường MN Chiềng Ban	38	40	2
4	Trường MN Chiềng Chăn	37	35	-2
5	Trường MN Chiềng Chung	30	30	0
6	Trường MN Chiềng Dong	20	21	1
7	Trường MN Chiềng Kheo	20	22	2
8	Trường MN Chiềng Lương	52	45	-7
9	Trường MN Chiềng Mai	28	30	2
10	Trường MN Chiềng Mung	46	45	-1
11	Trường MN Chiềng Nọi	30	27	-3
12	Trường MN Chiềng Sung	30	30	0
13	Trường MN Chiềng Ve	20	21	1
14	Trường MN Hoa Hồng	42	39	-3
15	Trường MN Mường Bàng	40	39	-1
16	Trường MN Mường Bon	28	30	2
17	Trường MN Mường Chanh	22	23	1
18	Trường MN Nà Sản	35	35	0
19	Trường MN Nà Bó	32	31	-1
20	Trường MN Nà Ôt	26	26	0
21	Trường MN Phiêng Cầm	40	35	-5
22	Trường MN Phiêng Păn	51	44	-7
23	Trường MN Tà Hộc	24	25	1
24	Trường MN Tô Hiệu	32	34	2
b	Khôi Tiêu học	313	300	-13
1	Trường TH Phiêng Cầm 2	32	32	0
2	Trường TH Thị trấn Hát Lót	43	43	0
3	Trường TH Cò Nòi	93	86	-7
4	Trường TH Chiềng Lương	51	48	-3
5	Trường TH Chiềng Nọi	42	41	-1
6	Trường TH Phiêng Păn	52	50	-2
c	Khôi trung học cơ sở	109	109	0
1	Trường THCS 19/5	52	48	-4
3	Trường THCS Chất lượng cao	34	35	1
24	Trường PTDTBT-THCS Chiềng Nọi	23	26	3
d	Trường Liên cấp TH & THCS	1408	1385	-23
1	Trường TH-THCS Bình Minh	60	61	1
2	Trường TH-THCS Chiềng Ban	56	58	2
3	Trường TH-THCS Chiềng Chăn	74	74	0
4	Trường TH-THCS Chiềng Chung	56	55	-1
5	Trường TH-THCS Chiềng Dong	31	32	1
6	Trường TH-THCS Chiềng Kheo	46	44	-2
7	Trường TH-THCS Chiềng Lương	52	52	0
8	Trường TH-THCS Chiềng Mai	49	49	0
9	Trường TH-THCS Chiềng Mung	74	71	-3
10	Trường TH-THCS Chiềng Sung	81	71	-10
11	Trường TH-THCS Chiềng Ve	39	39	0
12	Trường TH-THCS Chu Văn Thịnh	71	70	-1
13	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thu	46	44	-2
14	Trường TH-THCS Mường Bàng	87	87	0
15	Trường TH-THCS Mường Bon	62	57	-5
16	Trường TH-THCS Mường Chanh	39	39	0
17	Trường TH-THCS Nà Ban	53	49	-4
18	Trường TH-THCS Nà Bó	77	70	-7
19	Trường TH-THCS Nà Sản	79	76	-3

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (0, giảm (-)
20	Trường TH-THCS Tà Hộc	63	60	-3
21	Trường TH-THCS Tô Hiệu	60	62	2
22	Trường PTDTBT TH-THCS Nà Ốt	46	46	0
23	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cầm	57	60	3
24	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Păn	50	59	9
(3)	HUYỆN YEN CHAU	1410	1389	-21
a	Khối Mầm non	407	394	-13
1	Trường MN Anh Sao	21	21	0
2	Trường MN Hoa Ban	32	35	3
3	Trường MN Hoa Đào	23	33	10
4	Trường MN Hoa Hồng	24	22	-2
5	Trường MN Hoa Huệ	20	23	3
6	Trường MN Hoa Mai	35	19	-16
7	Trường MN Hoà Bình	19	34	15
8	Trường MN Hoa Mi	23	19	-4
9	Trường MN Hương Xuân	17	20	3
10	Trường MN Tuổi Thơ	14	31	17
11	Trường MN Bình Minh	36	16	-20
12	Trường MN Hương Xoài	32	36	4
13	Trường MN Sơn Ca	31	30	-1
14	Trường MN Sao Mai	37	13	-24
15	Trường MN Thủy Tiên	43	42	-1
b	Khối Tiểu học	412	404	-8
1	Trường TH Chiềng Đông A	30	30	0
2	Trường TH Chiềng Đông B	27	27	0
3	Trường TH Chiềng Hắc	24	24	0
4	Trường TH Tà Vài	30	27	-3
5	Trường TH Chiềng On	27	44	17
6	Trường TH Nà Cài	30	26	-4
7	Trường TH Kim Chung	46	22	-24
8	Trường TH Lao Khô	26	25	-1
9	Trường TH Lóng Phiêng A	23	30	7
10	Trường TH Lóng Phiêng B	25	30	5
11	Trường TH Tú Nang	36	36	0
12	Trường TH Chiềng Tương	51	47	-4
13	Trường TH Thị Trấn	37	36	-1
c	Khối trung học cơ sở	211	211	0
1	Trường THCS Chiềng Đông	26	30	4
2	Trường THCS Chiềng Hắc	25	25	0
3	Trường PTDTBT - THCS Chiềng On	26	18	-8
4	Trường THCS Lóng Phiêng	20	23	3
5	Trường THCS Nguyễn Cảnh Toàn	25	29	4
6	Trường THCS Phiêng Khoài	27	18	-9
7	Trường THCS Tú Nang	20	21	1
8	Trường THCS Thị Trấn	21	27	6
9	Trường PTDTBT-THCS Chiềng Tương	21	20	-1
d	Liên cấp TH & THCS	380	380	0
1	Trường TH-THCS Chiềng Khoi	31	30	-1
2	Trường TH-THCS Chiềng Păn	41	41	0
3	Trường TH-THCS Chiềng Sàng	48	46	-2
4	Trường TH-THCS Đông Bâu	37	39	2
5	Trường TH-THCS Liên Chung	48	48	0
6	Trường TH-THCS Sập Vạt	43	44	1

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
7	Trường TH-THCS Yên Sơn	35	37	2
8	Trường TH-THCS Tà Lằng	45	45	0
9	Trường TH-THCS Mường Lựm	52	50	-2
(4)	HUYỆN MỘC CHAU	1975	1944	-31
a	Khôi Mầm non	662	650	-12
1	Trường MN Chiềng Hắc	36	36	0
2	Trường MN Chiềng Khừa	30	29	-1
3	Trường MN Đông Sang	31	34	3
4	Trường MN Hua Păng	29	29	0
5	Trường MN Lóng Sập	32	32	0
6	Trường MN Măng non	33	34	1
7	Trường MN Mường Sang	26	29	3
8	Trường MN Nà Mường	26	26	0
9	Trường MN Phiêng Luông	22	22	0
10	Trường MN Phong Lan	42	43	1
11	Trường MN Quy Hướng	27	26	-1
12	Trường MN Tà Lai	21	21	0
13	Trường MN Tân Hợp	35	35	0
14	Trường MN Tân Lập	48	46	-2
15	Trường MN Tây Tiên	30	28	-2
16	Trường MN Họa Mi	56	46	-10
17	Trường MN Hoa Đào	51	48	-3
18	Trường MN Thảo Nguyên	41	40	-1
19	Trường MN Mộc Ly	46	46	0
b	Khôi Tiểu học	157	158	1
1	Trường TH 8/4	47	48	1
2	Trường TH Mộc Ly	39	39	0
3	Trường TH Chiềng Sơn	71	71	0
c	Khôi trung học cơ sở	98	94	-4
1	Trường THCS 8/4	48	48	0
2	Trường THCS Mộc Ly	50	46	-4
d	Liên cấp TH & THCS	1058	1042	-16
1	Trường Tiểu học và THCS 19/5	79	78	-1
2	Trường Tiểu học và THCS 14/6	60	59	-1
3	Trường Tiểu học và THCS 15/10	44	44	0
4	Trường Tiểu học và THCS Chiềng Hắc	91	87	-4
5	Trường PTDT BT Tiểu học và THCS Chiềng Khừa	57	57	0
6	Trường Tiểu học và THCS Đông Sang	66	66	0
7	Trường Tiểu học và THCS Hua Păng	58	58	0
8	Trường Tiểu học và PTDT BT THCS Lóng Sập	77	77	0
9	Trường Tiểu học và THCS Mường Sang	57	57	0
10	Trường Tiểu học và THCS Nà Mường	56	55	-1
11	Trường Tiểu học và THCS Nà Tân	62	60	-2
12	Trường Tiểu học và THCS Tân Lập	70	69	-1
13	Trường Tiểu học và THCS Phiêng Luông	52	51	-1
14	Trường Tiểu học và THCS Quy Hướng	50	50	0
15	Trường Tiểu học và THCS Tà Lai	44	44	0
16	Trường Tiểu học và THCS Tây Tiên	62	60	-2
17	Trường PTDT bán trú THCS Tân Hợp	73	70	-3
(5)	HUYỆN PHU YEN	2184	2152	-32
a	Khôi Mầm non	664	658	-6
1	Trường MN Anh Sao, Kim Bôn	21	22	1
2	Trường MN Ban Mai Suối Tơ	22	22	0
3	Trường MN Bình Minh, Đá đỏ	12	11	-1

 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (0, giảm (-)
4	Trường MN Đà Giang Tường Phong	13	12	-1
5	Trường MN Gia Phú	34	33	-1
6	Trường MN Hoa Ban, Mường Bang	22	23	1
7	Trường MN Hoa Đào	20	20	0
8	Trường MN Huy Bắc	32	30	-2
9	Trường MN Huy Hạ	35	33	-2
10	Trường MN Huy Tân	31	30	-1
11	Trường MN Huy Tường	21	20	-1
12	Trường MN Huy Thượng	27	34	7
13	Trường MN Mường Cơi	33	34	1
14	Trường MN Mường Do	21	20	-1
15	Trường MN Mường Lang	19	19	0
16	Trường MN Mường Thái	25	27	2
17	Trường MN Phong Lan, Nam Phong	14	12	-2
18	Trường MN Sập Xa	11	12	1
19	Trường MN Sơn Ca, Bắc Phong	15	13	-2
20	Trường MN Tân Lang	32	30	-2
21	Trường MN Tân Phong	13	11	-2
22	Trường MN Tường Hạ	18	17	-1
23	Trường MN Tường Phù	29	30	1
24	Trường MN Thủy Tiên	13	12	-1
25	Trường MN Quang Huy	43	42	-1
26	Trường MN Thị Trần	57	56	-1
27	Trường MN Tường Thượng	31	33	2
b	Khôi Tiểu học	229	230	1
1	Trường TH Gia Phú	45	46	1
2	Trường TH Suối Tọ II	19	18	-1
3	Trường TH Thị Trần	52	52	0
4	Trường TH Mường Cơi	54	55	1
5	Trường TH Quang Huy	59	59	0
c	Khôi trung học cơ sở	141	139	-2
1	Trường THCS Gia Phú	31	31	0
2	Trường THCS Mường Cơi	29	28	-1
3	Trường THCS Quang Huy	30	29	-1
4	Trường THCS Thị Trần	29	29	0
5	Trường THCS Võ Thị Sáu	22	22	0
d	Liên cấp TH và THCS	1150	1125	-25
1	Trường Tiểu học và THCS Đá Đỏ	32	31	-1
2	Trường Tiểu học và THCS Huy Bắc	58	56	-2
3	Trường Tiểu học và THCS Huy Hạ	66	65	-1
4	Trường Tiểu học và THCS Huy Tân	62	62	0
5	Trường Tiểu học và THCS Huy Thượng	45	45	0
6	Trường Tiểu học và THCS Kim Bon	86	86	0
7	Trường Tiểu học và THCS Mường Bang	59	56	-3
8	Trường Tiểu học và THCS Mường Do	51	49	-2
9	Trường Tiểu học và THCS Mường Lang	37	38	1
10	Trường Tiểu học và THCS Sập Xa	35	32	-3
11	Trường Tiểu học và THCS Suối Bau	60	59	-1
12	Trường Tiểu học và THCS Suối Tọ	66	62	-4
13	Trường Tiểu học và THCS Tân Lang	78	76	-2
14	Trường Tiểu học và THCS Tân Phong	35	32	-3
15	Trường Tiểu học và THCS Tường Hạ	37	36	-1
16	Trường Tiểu học và THCS Tường Phù	59	59	0
17	Trường Tiểu học và THCS Tường Thượng I	36	34	-2